

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác

Bà Lục Thị Xinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Học - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST – HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị S; sinh năm 198; nơi ĐKKHKT: Tổ 2a, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc T; sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT: Tổ 2a, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Ma Thị S trình bày:

Chị S và anh T kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 01/8/2000. Việc kết hôn của chị và anh T là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau kết hôn anh chị sinh sống tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đến năm 2002 thì chuyển khẩu ra sinh sống tại Tổ 2a, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu say không làm chủ bản thân, thường xuyên đập phá đồ đạc trong gia đình và đánh chị S, chị S và anh T đã ly thân từ cuối

năm 2018 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung, con thứ nhất tên là Vũ Thị L, sinh ngày 30/8/2000, hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường, con thứ hai tên là Vũ Thảo N, sinh ngày 08/10/2008, hiện nay con đang học tại trường Trung học cơ sở Thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con thứ hai tên là Vũ Thảo N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án tiến hành ghi ý kiến của anh Vũ Ngọc T, cụ thể: Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì để dẫn đến việc vợ chồng phải ly hôn, do đó không nhất trí ly hôn với chị S, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung anh T xác định anh và chị S có 02 con chung con thứ nhất tên là Vũ Thị L, sinh ngày 30/8/2000; còn con thứ hai tên là Vũ Thảo N, sinh ngày 08/10/2008. Về tài sản chung, nợ chung anh T không có ý kiến gì.

Chị Ma Thị S có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm về những vấn đề của vụ án giống như lời khai trong quá trình tham gia tố tụng. Anh T đã nhận văn bản tố tụng tổng đạt hợp lệ của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố của pháp luật tố tụng dân trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Ma Thị S được ly hôn với anh Vũ Ngọc T; Về con chung: Con chung tên là Vũ Thị L, sinh ngày 30/8/2000 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết ; con chung tên là Vũ Thảo N, sinh ngày 08/10/2008 giao cho chị Ma Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản chung, công nợ chung đều không yêu cầu Tòa án giải quyết , nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí:

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ma Thị S khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2a, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 08 tháng 8 năm 2022 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 19 tháng 8 năm 2022 mở phiên tòa nhưng do bị đơn anh Vũ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa. Ngày 14/9/2022 Tòa án mở lại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt còn bị đơn anh Vũ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của chị Ma Thị S và ý kiến của anh Vũ Ngọc T đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị S và anh Vũ Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 01/8/2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Sinh và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Chị S xác định có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T có ý kiến cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn để dẫn đến việc phải ly hôn, đồng thời mong muốn chị S quay về đoàn tụ. Tuy nhiên khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và ban hành thông báo phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để chị S và anh T hòa giải đoàn tụ nhưng anh T lại không đến Tòa án làm việc. Điều này cho thấy, anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên không có biện pháp tích cực nào để cải thiện lại mối quan hệ vợ chồng với chị S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị S và anh T tại nơi cư trú thấy rằng thôn tổ không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T.

Như vậy có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị S và anh Thái có 02 con chung, con thứ nhất tên là Vũ Thị L, sinh ngày 30/8/2000, hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường, con thứ hai tên là Vũ Thảo N, sinh ngày 08/10/2008, hiện nay đang học tại trường Trung học cơ sở thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chị S và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Vũ Thảo N. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con của chị S và anh T đều chính đáng. Tuy nhiên xem xét nguyện vọng của con chung Vũ Thảo N là muốn được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng và xem xét điều kiện nuôi con của các bên thì thấy rằng việc giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo việc giữ ổn định tâm sinh lý và điều kiện phát triển tốt nhất của con chung. Do đó giao con chung Vũ Thảo N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Ma Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Ma Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ma Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị S được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

2. Về con chung: Giao Con chung tên là Vũ Thảo N, sinh ngày 08/10/2008 cho chị Ma Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ma Thị S không yêu cầu anh Vũ Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Vũ Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ma Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo

Biên lai thu tiền số 0001328 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Quyền kháng cáo : Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện Chợ Đồn 02
- THADS huyện Chợ Đồn 01
- UBND xã Y(Nơi ĐKKH) 01
- Các đương sự 02
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn